

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2019/DS-PT

Ngày: 04-11-2019

V/v tranh chấp: “Đòi lại quyền
sử dụng đất bị lấn chiếm và
quyền về lối đi qua”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10 và ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2019/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm và quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 344/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bà Dương Thị S, sinh năm 1968 (có mặt);

3. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt);

4. Chị Huỳnh Thị Lan C, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Dương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Dương Văn H trình bày:*

Vợ chồng ông có quyền sử dụng thửa đất số 454, tờ bản đồ số 64, diện tích 1.840,7m² loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do ba mẹ ông tặng cho cách nay hơn 20 năm, vợ chồng ông trực tiếp sử dụng và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) số CH01596 ngày 10/10/2013. Giáp ranh hướng Đông là thửa đất 452 và giáp ranh hướng Nam là thửa đất 556 đều thuộc quyền sử dụng của hộ ông B. Trên thửa 454 có đường mương (ngang khoảng 2m) nằm dọc theo ranh giới hướng Nam chạy dài đến kênh Cần Lộc, gia đình ông sử dụng để xả nước. Do mương đất này nằm giữa 02 thửa đất 452 và 556 của hộ ông B và ông B xây nhà ở trên thửa 452, cất chuồng trại chăn nuôi trên thửa 556 nên ông B có đi nhờ qua mương đất của ông từ năm 2001 để vào thửa 556. Lúc đầu, ông B bắc cầu cây nhưng đến tháng 5/2018, ông B tự ý xây cầu bê tông mà không hỏi ý kiến của ông mà còn cho rằng mương này là mương công cộng và chửi mắng ông thô tục nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2018, ông yêu cầu ông B tháo dỡ cầu bê tông ngang 0,8 m và dài 1,8 m trả lại phần đất đường mương đã lấn chiếm có diện tích 33,6m² thuộc thửa 454 nêu trên. Tại Biên bản hòa giải ngày 19/9/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông rút lại yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông B trả lại đất lấn chiếm có diện tích 33,6m² thuộc thửa 454 và chỉ yêu cầu ông B tháo dỡ cầu bê tông qua đo đạc thực tế có diện tích 1,4 m² bắc ngang mương đất thuộc thửa 454 nêu trên để ông xây hàng rào.

Đối với yêu cầu phân tố của ông B thì ông không đồng ý cho gia đình ông B tiếp tục đi nhờ qua cầu bê tông bắc ngang mương đất thuộc thửa 454 của ông như trước đây. Do ông B còn có phần đất khác giáp kênh Cần Lộc và kế tiếp là giáp đất bà Cao Thị L nên ông B có thể xin mở lối đi dài khoảng 8 m - 10 m qua đất của bà L (giáp ranh với thửa 556) để vào thửa 556. Ngoài ra, ông B còn có thể đi dọc theo lối bờ ruộng của các chủ sử dụng đất khác dài khoảng hơn 100m để đi từ đường công cộng cấp kênh Cần Lộc vào thửa 556. Nguyên nhân ông không đồng ý cho ông B tiếp tục đi nhờ qua đất của ông còn do hai bên gia đình trước đây đã có xảy ra tranh chấp ranh giới đất, ông B trồng cỏ trên thửa 556 dọc theo ranh giới thửa 454 của ông làm ông không có lối đi ra ruộng phía sau nhà. Hơn nữa, nay ông yêu cầu ông B tháo dỡ cầu bê tông để ông xây hàng rào bảo vệ tài sản gia đình, tránh bị mất trộm gà vịt như trước đây. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn B trình bày:*

Năm 1992, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 452 diện tích 356,4 m² (theo GCNQSD đất số CH00208 ngày 11/4/2013 do ông đại diện hộ đứng tên) tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang của ông Dương Văn C (hiện đã chết) để cất nhà ở, bao gồm cả mương đất hiện nay thuộc thửa 454 của ông H. Khi đó, ông Dương Văn S (anh trai của ông H) đang sử dụng thửa 556 nên ông và ông S có thỏa thuận miệng hoán đổi đất cho nhau, ông S đổi phần đất trống giáp kênh Cần Lộc cho ông (hiện là thửa 450 nhưng ông chưa được cấp GCNQSDĐ) lấy mương đất nêu trên sử dụng để thoát nước ra kênh Cần Lộc. Đến năm 2000, do cần mở rộng diện tích đất canh tác nên vợ chồng ông mua luôn thửa đất 556 của ông S với diện tích 1.160,6 m² (theo GCNQSD đất số CH00210 ngày 10/9/2013 do ông đại diện hộ đứng tên) nhưng mương đất vẫn để lại gia đình ông S tiếp tục sử dụng, sau này ông S cho lại ông H sử dụng xỏ xả ra kênh Cần Lộc để canh tác lúa. Đến năm 2013, ông H được cấp quyền sử dụng mương đất nêu trên thuộc thửa 454 như hiện nay.

Do mương đất ông H nằm giữa hai thửa 452 và 556 của hộ gia đình ông nên ông có đi nhờ qua mương đất để đi từ nhà đến thửa 556 trồng cỏ và cất chuồng trại chăn nuôi như ông H trình bày. Tuy nhiên, thời điểm trước giải phóng, lối đi này là lối đi công cộng nối liền xã K và xã B; đến năm 2000, khi kênh Cần Lộc được nạo vét và có lối đi công cộng chạy theo kênh thì chỉ còn gia đình ông sử dụng lối đi này để đến thửa 556. Hiện trạng lối đi trước đây là mương đất nhỏ có chiều ngang khoảng 0,3m nên không có bắc cầu. Quá trình gia đình ông H sử dụng mương để xỏ xả nước ra kênh Cần Lộc nên mương đất bị sạt lở có hiện trạng như hiện nên gia đình ông bắc cầu bằng cây để qua lại. Đến tháng 5/2018, do cầu cây bị hư nên ông có lót tấm ván, đổ bê tông phía trên cầu để thuận tiện qua lại nhưng không hỏi ý kiến ông H vì ông nhầm tưởng đây là mương công cộng, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay ông xác định mương đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông H (thửa 454) nhưng ông không đồng ý tháo dỡ cầu bê tông nêu trên vì ngoài lối đi này hiện gia đình ông không còn lối đi nào khác để đến chuồng trại chăn nuôi của mình (thuộc thửa 556). Phía ông H cho rằng gia đình ông còn lối đi khác để vào thửa 556 nhưng phải qua đất của bà Cao Thị L (ngụ cùng ấp) trong khi bà L không đồng ý cho ông đi nhờ qua đất và cũng không đồng ý hoán đổi đất; hơn nữa lối đi này xa hơn và không thuận tiện như lối đi qua mương đất ông H. Do đó, ông yêu cầu phản tố được tiếp tục sử dụng lối đi đo thực tế có diện tích tương ứng với diện tích cầu bê tông là 1,4m² (chiều ngang 0,7m và chiều dài cạnh Đông là 1,9m, chiều dài cạnh Tây là 1,85m) bắc ngang mương đất thuộc thửa 454 của ông H như trước đây để đi từ nhà vào thửa 556 canh tác. Ông đồng ý đền bù cho ông H giá trị quyền sử dụng diện tích đất dùng để mở lối đi là 2.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà là vợ ông H, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H, bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông B về việc xin mở lối đi qua cầu

bê tông bắc ngang mương đất thuộc thửa 454 như trước đây. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị S trình bày:*

Bà là vợ của ông B đồng thời là thành viên hộ gia đình ông B hiện sử dụng chung thửa đất số 556 để trồng trọt và chăn nuôi. Nay bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông B. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Văn L và chị Huỳnh Thị Lan C trình bày:*

Anh chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông B. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 159, Điều 166, Điều 254 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: 1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H về việc đòi ông Huỳnh Văn B trả lại phần đất đường mương có diện tích 33,6m² thuộc thửa 454 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH01596 ngày 10/10/2013 tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn B tháo dỡ cây cầu bê tông qua đo đạc thực tế có diện tích 1,4 m² bắc ngang qua mương đất thuộc thửa 454 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH01596 ngày 10/10/2013 tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn B. Buộc ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L để gia đình ông B được tiếp tục sử dụng lối đi là cây cầu bê tông có diện tích đo đạc thực tế 1,4 m² bắc ngang qua mương đất thuộc thửa 454 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH01596 ngày 10/10/2013 tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Lối đi có vị trí tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông Dương Văn H
- Tây giáp đất ông Dương Văn H.
- Nam giáp đất ông Huỳnh Văn B.
- Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn B. (có sơ đồ khu đất kèm theo)

Ghi nhận ông Huỳnh Văn B tự nguyện đền bù cho ông Dương Văn H giá trị quyền sử dụng phần đất mở lối đi với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 20/5/2019, nguyên đơn ông Dương Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H. Ông H không có trách nhiệm phải mở lối đi cho ông B vì ông B đã có lối đi khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Dương Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông B phải tháo dỡ cây cầu bê tông đang sử dụng làm lối đi qua thửa đất số 454, tờ bản đồ 64 do ông đang quản lý sử dụng. Bị đơn ông Huỳnh Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H là không có cơ sở. Ông H kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh ông B có lối đi khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn L, chị Huỳnh Thị Lan C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh L, chị C cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị C.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bản trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 24/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm thì hiện thửa đất số 556, tờ bản đồ 64 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00210 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/9/2013 của ông Huỳnh Văn B đang bị bao bọc bởi các bất động sản xung quanh của các chủ sở hữu khác. Ông B muốn đi từ nhà của ông thuộc thửa 452 đến thửa 556 cạnh tác thì phải qua phần nương đất tranh chấp thuộc thửa 454 của ông H. Hiện tại còn một đường đi khác đến thửa đất này là ông B phải đi qua Kênh Cần Lộc đoạn

khoảng 1,6m, sau đó đi qua phần đất của ông B thuộc thửa 450 (hiện tại thửa đất này ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và phải đi qua đất của bà Cao Thị L thuộc thửa đất số 451 một đoạn khoảng 22,7m thì mới tới thửa đất số 556 của ông B. Ngoài ra, xung quanh thửa đất 556 của ông B là đất ruộng và đất gò của những hộ sử dụng đất liền kề nhưng không có lối đi thuận tiện như hai đường đi đã nêu trên. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng ông B có lối đi khác thuận tiện hơn là đi qua phần đất của bà Cao Thị L. Tuy nhiên, ông B cho rằng bà Cao Thị L không đồng ý cho ông đi qua thửa 451 của bà L. Ông B cũng đã thỏa thuận với bà L nhưng bà L không đồng ý hoán đổi đất để ông có đường đi qua thửa 556 của ông, lời trình bày này cũng phù hợp với lời tường trình của bà L ngày 18/4/2019 (Bút lục 169). Vì vậy, nếu ông B muốn đi ngang đất của bà L đến phần đất thuộc thửa 556 của ông thì ông B sẽ phải khởi kiện yêu cầu bà L mở lối đi cho ông. Mặt khác, nếu đi từ thửa đất số 452 của ông B đi đến thửa 556 để canh tác thì việc đi qua cây cầu bê tông mà ông B bắc ngang phần đất thuộc thửa 454 của ông H là lối đi thuận tiện nhất và cũng là lối đi gần nhất không gây ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng phần đất của ông H. Ngoài ra, không còn lối đi nào khác. Ông H cho rằng việc bắc cầu bê tông ngang con mương đất của gia đình ông đã gây ảnh hưởng và làm mất tài sản của nhà ông do ông không xây được hàng rào bao quanh để bảo vệ tài sản là không có căn cứ, ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Đồng thời, phần đất tranh chấp so với thửa đất của ông H đang sử dụng là rất nhỏ, không ảnh hưởng đến việc gia đình ông xây hàng rào để bảo vệ tài sản của mình. Hơn nữa, theo ông H trình bày thì trước đây ông cũng đồng ý cho ông B đi lối đi này, nhưng sau khi hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn nên ông không cho ông B đi nữa. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Xét thấy yêu cầu phản tố của bị đơn ông B về việc yêu cầu ông H mở lối đi là cây cầu bê tông bắc qua mương đất thuộc thửa 454 của ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các phần phác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 159, Điều 166, Điều 254 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H về việc đòi ông Huỳnh Văn B trả lại phần đất đường mương có diện tích 33,6m² thuộc thửa 454 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH01596 ngày 10/10/2013 tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn B tháo dỡ cây cầu bê tông qua đo đạc thực tế có diện tích 1,4 m² bắc ngang qua mương đất thuộc thửa 454 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH01596 ngày 10/10/2013 tọa lạc tại ấp Bồ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn B. Buộc ông Dương Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L để gia đình ông B được tiếp tục sử dụng lối đi là cây cầu bê tông có diện tích đo đạc thực tế 1,4 m² bắc ngang qua mương đất thuộc thửa 454 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CH01596 ngày 10/10/2013 tọa lạc tại ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Lối đi có vị trí tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông Dương Văn H.
- Tây giáp đất ông Dương Văn H.
- Nam giáp đất ông Huỳnh Văn B.
- Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn B.

(có sơ đồ khu đất kèm theo)

Ghi nhận ông Huỳnh Văn B tự nguyện đền bù cho ông Dương Văn H giá trị quyền sử dụng phần đất mở lối đi với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Ông Dương Văn H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 900.000 đồng. Ông H đã nộp 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 45785 ngày 13/7/2018 và biên lai thu số 46787 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, cần trừ nên ông H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí.

Ông Huỳnh Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 45848 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên xem như ông B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 07 giờ 45 phút, ngày 04/11/2019 có mặt ông H, ông B, bà L, bà S, vắng mặt anh L, chị C.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Toàn